

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 35/2022/HC-ST

Ngày 15/6/2022

V/v Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Hoan, ông Võ Quang Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2022 tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 133/2021/TLST-HC ngày 06/12/2021 về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thanh T, sinh ngày 05/12/1981; Địa chỉ: Thôn 1, xã H, TP B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T1; Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, TP B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt;

*** Người bị kiện:** UBND TP B; Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H – Chủ tịch: Vắng mặt; Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T2 – Phó Chủ tịch: Vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn T3: Vắng mặt;

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Trần Duy B, sinh ngày 25/10/1983; Địa chỉ: Thôn 1, xã H, TP B: Vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T1; địa chỉ: Buôn Đ, xã C, TP B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện và đại diện ủy quyền trình bày:

Ngày 12/01/2021 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4050/QĐ-UBND

ngày 18/6/2021 và Quyết định số 50/QĐ-UBND và Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất kèm theo là không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Luật đất đai năm 2013 và Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk và nay là Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk, bà Nguyễn Thanh T không hề biết và chưa hề nhận được bản chính của Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/03/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 27.809 ha đất của Công ty cà phê V tại xã H, thành phố B giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy định của pháp luật.

Do vậy UBND thành phố B không hỗ trợ diện tích đất đất phi nông nghiệp trong hạn mức đất từ năm 1990, được tặng cho năm 2007 và đất nông nghiệp, tái định cư và các hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho cho hộ gia đình bà Nguyễn Thanh T là chưa thực hiện đúng quy định của pháp Luật đất đai năm 2013, xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Nguyễn Thanh T.

- Hủy một phần Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Nguyễn Thanh T.

- Đề nghị Tòa án tuyên buộc UBND thành phố B phải có quyết định hỗ trợ thu hồi đất canh tác ổn định từ năm 1990 thì phải bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% giá trị diện tích đất thu hồi, hỗ trợ 100% theo giá đất và hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp cùng loại theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ đời sống và sản xuất, hỗ trợ cây trồng năm 2014, năm 2016 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thanh T.

Riêng yêu cầu buộc UBND thành phố B phải có quyết định bố trí đất tái định cư cho hộ gia đình bà Nguyễn Thanh T.

2. Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trần Duy B: Đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thanh T, không sửa đổi bổ sung gì thêm.

3. Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Nguồn gốc đất: Năm 2017 hộ bà Nguyễn Thanh T nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty cà phê V). Ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty cà phê V tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý, trong đó có 10,1 ha đất hiện nay UBND thành phố đang thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư thôn 1, xã H, thành phố B. Thời hạn hợp đồng 2010.

Về đất: Căn cứ Khoản 2, Điều 82, Luật đất đai 2013: *Đất được Nhà nước giao để quản lý*. Do đó, diện tích đất nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty cà phê V) thu hồi không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Về cây trồng: Trên đất thu hồi hộ dân trồng chủ yếu các loại cây công nghiệp lâu năm và một số loại cây ăn trái như cây cà phê vối, ôi, chôm chôm, na... gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất (Quyết định thu hồi đất) được hỗ trợ cụ thể như sau:

- Cây trồng chính được xác định mà có quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch được cấp có thẩm quyền ban hành quy định các loại cây được phép trồng chung (trồng xen) phù hợp trên cùng một đơn vị diện tích đất canh tác bị thu hồi thì cây trồng chung đó được tính bằng 100 % đơn giá; Cây trồng xen (cây trồng phụ) còn lại bằng 80% đơn giá cây trồng cùng loại, cây trồng tương đương và cây trồng vượt mật độ đến 50% so với mật độ cây trồng theo quy định thì được hỗ trợ bằng 60% đơn giá cây trồng cùng loại; Số cây trồng vượt mật độ trên 50% đến 100% được bồi thường 30% giá trị cây trồng cùng loại; Số cây trồng vượt mật độ trên 100% thì không được bồi thường. Đồng thời mức hỗ trợ được xác định theo thời gian điểm sử dụng đất cụ thể như sau: Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/04/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về giá bồi thường cây trồng, hoa màu gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và mức hỗ trợ được áp dụng theo điểm 5, khoản 9, Điều 1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thanh T là đúng theo quy định hiện hành. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên các nội dung, yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm; Chủ tọa phiên tòa công bố toàn bộ lời khai, trình bày và quan điểm của người bị kiện, tài liệu, chứng cứ do người bị kiện cung cấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các yêu cầu của người khởi kiện, quan điểm, lời trình bày của người bị kiện và chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà các bên đã cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T, hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/06/2021 và Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND thành phố B để ban hành lại quyết định hành chính để điều chỉnh, bổ sung việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thanh Tiến theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của của đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 158; Điều 168 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 và Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND thành phố B: UBND thành phố B ban hành các quyết định trên là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013.

[2] Về nội dung Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 và Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND thành phố B:

Nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thanh T: Năm 1986, bà Lê Thị Liên (là mẹ bà Nguyễn Thanh T) nhận hợp đồng giao khoán sản xuất trồng cà phê với Nông trường cà phê V (nay là Công ty cà phê V), sau đó đến năm 2007 bà Liên cho lại con gái là bà Nguyễn Thanh T sử dụng, canh tác, sau đó được Nông trường cà phê V giao sổ nhận khoán cho bà Nguyễn Thanh T. Ngày 06/3/2008 UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 530/QĐ- UBND về việc thu hồi 27,809 ha đất của Công ty cà phê V tại xã H giao lại cho UBND thành phố quản lý, trong đó có thu hồi diện tích đất của hộ bà Nguyễn Thanh T đối với diện tích 0,45 ha. Bà T xác định không biết được Quyết định này của UBND tỉnh nên vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên diện tích đất này cho

đến khi được thu hồi, không bị nhắc nhở hay xử phạt hành chính. Do vậy các tài sản hộ bà T tạo lập thêm sau khi có Quyết định 530 nói trên là hợp pháp.

Tại Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thì gia đình bà T được xem xét bồi thường, hỗ trợ bao gồm: Nhà, vật kiến trúc, cây trồng (tạo lập trước ngày ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008).

Tại Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/06/2021 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất thì bà T được xem xét bồi thường, hỗ trợ bao gồm: Cây trồng (tạo lập trước ngày ban hành Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008).

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 76, khoản 1 Điều 82 Luật đất đai năm 2013 diện tích đất hộ bà Nguyễn Thanh T bị thu hồi không đủ điều kiện được bồi thường về đất là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo mục 2 khoản 2 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 9 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk và mục 2, 3 khoản 9 Điều 1 sửa đổi bổ sung Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk, các Điều 16, 17, 18 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì khi thu hồi đất đối với hộ gia đình bà T thì còn được hỗ trợ thuê nhà ở, di chuyển nhà ở, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm...

Nhưng tại Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/06/2021 và Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND thành phố B mới được xem xét bồi thường, hỗ trợ bao gồm: Nhà, vật kiến trúc, cây trồng mà chưa tính toán bồi thường, hỗ trợ bồi thường các khoản: Chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; hỗ trợ tài sản, cây trồng, hỗ trợ trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc, hỗ trợ thuê nhà ở, di chuyển nhà ở, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Vì vậy, việc ban hành các Quyết định nêu trên và bảng tính chi tiết bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thanh T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ 400 m² đất ở theo giá đất của UBND tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định thu hồi đất riêng đối với hộ bà Nguyễn Thanh T, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn xin rút yêu cầu nêu trên, cần đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này là phù hợp.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí, UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a, b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng khoản 2 Điều 66, Điều 69, điểm đ khoản 1 Điều 76, khoản 1 Điều 82 Luật đất đai 2013;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T.

Hủy một phần Quyết định số 4050/QĐ-UBND ngày 18/06/2021 và Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND thành phố B đối với hộ bà Nguyễn Thanh T.

Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung phần bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ tiền sử dụng đất trước ngày 15/10/1993; đưa tài sản là cây trồng trên đất tạo dựng sau ngày có Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 06/3/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk vào tính toán bồi thường, hỗ trợ trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc, hỗ trợ thuê nhà ở, di chuyển nhà ở, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Nguyễn Thanh T theo quy định của pháp luật.

[2]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T về việc buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ tái định cư và buộc UBND thành phố B phải ban hành Quyết định thu hồi đất riêng đối với hộ bà Nguyễn Thanh T.

[3]. Về án phí: UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí hành chính là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp (ông Nguyễn Trần Duy B nộp thay) theo Biên lai thu số 60AA/2021/0009968 ngày 03/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[4]. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Duy Phương